



ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÁC CÂU LẠC BỘ THỂ DỤC THỂ THAO SINH VIÊN TẠI ĐẠI HỌC HUẾ

Nguyễn Thế Tinh¹, Phạm Văn Hiếu¹

Nguyễn Đình Duy Nghĩa¹, Nguyễn Hữu An²

(1) Khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế, đường Võ Văn Kiệt, Tp Huế, Việt Nam

(2) Đại học Khoa Học – Đại học Huế, 99 Nguyễn Huệ, Tp Huế, Việt Nam

Tác giả liên hệ: **Nguyễn Thế Tinh** <nthetinh@hueuni.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 01-01-2024; Ngày chấp nhận đăng: 31-05-2024)

Tóm tắt. Dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn, cùng với các phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, toán học thống kê và khảo sát bằng phiếu hỏi 10 cán bộ, giảng viên, cán bộ quản lý, các chuyên gia và 865 sinh viên các trường đại học thành viên, khoa thuộc Đại học Huế, chúng tôi đã đánh giá được thực trạng hoạt động của các Câu lạc bộ thể dục thể thao sinh viên tại Đại học Huế. Kết quả nghiên cứu hoạt động của các Câu lạc bộ Thể dục thể thao cho thấy: Số lượng các Câu lạc bộ còn ít, hội viên tham gia trong các Câu lạc bộ thấp, phần lớn Câu lạc bộ hoạt động tại các trường đại học thành viên, khoa thuộc Đại học Huế chưa thường xuyên; tài chính để duy trì hoạt động của các Câu lạc bộ là từ nguồn đóng góp hội phí hàng tháng của các hội viên, cơ sở vật chất cho hoạt động còn hạn chế... Từ kết quả đánh giá nêu trên sẽ làm cơ sở để tiến hành xây dựng và phát triển các Câu lạc bộ thể dục thể thao cho sinh viên Đại học Huế trong thời gian tới nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động một cách lành mạnh, hữu ích cho sinh viên Đại học Huế.

Từ khóa: Câu lạc bộ; Thể dục; Thể thao; Sinh viên Đại học Huế; Thực trạng

EVALUATION OF THE STATUS OF STUDENT SPORTS CLUBS AT HUE UNIVERSITY

Nguyen The Tinh¹, Pham Van Hieu¹

Nguyen Dinh Duy Nghia¹, Nguyen Huu An²

(1) HU-School of Physical Education, 52 Ho Duc Di St., Hue, Vietnam

(2) HU, University Of Sciences. 77 Nguyen Hue St., Hue, Vietnam

* Correspondence to **Nguyen The Tinh** <nthetinh@hueuni.edu.vn >

(Received: January 01, 2024; Accepted: May 31, 2024)

Abstract. Based on theoretical and practical basis, along with methods of analyzing and synthesizing documents, mathematical statistics and questionnaire surveys of 10 officials, lecturers, managers, and experts. With members and 865 students from member universities and faculties of Hue University, we have evaluated the current status of student sports clubs at Hue University. Research results on the activities of Sports Clubs show that: The number of Clubs is small, member participation in Clubs is low, most Clubs operate at universities, members and faculties of Hue University are not regular; Finance to maintain the Club's operations comes from monthly membership dues contributions from members, facilities for operations are limited, etc. The above assessment results will serve as a basis for build and develop recreational sports clubs for Hue University students in the coming time to meet the needs of Hue University students for healthy and useful activities.

Keywords: Club; Exercise; Sport; Hue University student; Reality

1. Đặt vấn đề

Câu lạc bộ (CLB) thể dục thể thao (TDTT) trong sinh viên (SV) là một loại hình tổ chức đóng vai trò vừa là một phương thức hoạt động vừa là một tổ chức vững chắc của các đơn vị nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề do các nhu cầu đặt ra của SV. CLB là nơi có những hoạt động phong phú, phù hợp với nhu cầu, lợi ích của những thành viên tham gia CLB, nhằm tuyên truyền, nâng cao nhận thức và ý nghĩa của việc tập luyện TDTT, tạo điều kiện cho các thành viên tập luyện và tham gia thi đấu, tạo môi trường cho các tài năng và năng khiếu được bộc lộ, phát triển.

Trong những năm gần đây, hoạt động thể thao trong trường học ngày càng phát triển. Hình thức và nội dung hoạt động thể thao trường học (TTTH) đã có những đổi mới sinh động, phong phú, sáng tạo được xã hội quan tâm và đánh giá cao. Tại Đại học Huế, nhiều CLB TDTT SV đã được thành lập, nhằm tạo điều kiện cho SV tham gia vui chơi rèn luyện sức khỏe và giải trí vào những lúc rảnh rỗi, góp phần xây dựng đời sống tinh thần của SV ngày càng phong phú và mang lại nhiều giá trị tốt đẹp trong quá trình học tập và rèn luyện, bên cạnh đó là cơ hội để tìm kiếm, bồi dưỡng những nhân tài thể thao cho phong trào TDTT của SV trong từng giai đoạn phát triển của Đại học Huế.

Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng các loại hình CLB TDTT của SV trong các trường thành viên, trường và các khoa thuộc Đại học Huế. Đây sẽ là bức tranh về công tác tổ chức và hoạt động các CLB TDTT trong SV Đại học Huế trong thời gian qua. Kết quả đánh giá này là cơ sở để chúng tôi tiến hành xây dựng mô hình CLB thể thao giải trí cho SV Đại học Huế một cách hiệu quả, thiết thực và khoa học, phù hợp với điều kiện nhà trường và sở thích, hứng

thú của SV. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu: “Đánh giá thực trạng các câu lạc bộ thể dục thể thao sinh viên tại Đại học Huế”.

2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khách thể khảo sát

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát 10 cán bộ giảng viên, cán bộ quản lý, phụ trách các CLB TDTT tại các đơn vị và 865 SV của 10 đơn vị gồm: 17 SV trường Đại học Khoa học (KH), 89 SV trường Đại học sư phạm (SP), 91 SV trường Đại học Luật (L), 247 SV trường Đại học Y Dược (YD), 123 SV trường Đại học Kinh tế (KT), 98 SV trường Đại học Nông Lâm (NL), 82 SV trường ĐH Nghệ thuật (NT), 78 SV trường Đại học Ngoại ngữ (NN), 28 SV trường Du lịch (DL), 12 SV Khoa Giáo dục thể chất (TC).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu: Chúng tôi đã sử dụng các tài liệu liên quan, các văn bản quy định của Đảng, Nhà nước cũng như các đề tài, bài báo khoa học, tham luận về những vấn đề lý luận của TDTT, CLB TDTT nói chung và trong SV nói riêng làm cơ sở lý luận và các lập luận khoa học cho quá trình nghiên cứu.

- Phương pháp điều tra xã hội học: Để đánh giá tình hình hoạt động của các CLB TDTT, cũng như xác định các nguyên nhân của những hạn chế trong các hoạt động TDTT của các CLB TDTT tại ĐH Huế, chúng tôi đã điều tra bằng phiếu hỏi với đối tượng khảo sát từ tháng 3 năm 2023 đến tháng 6 năm 2023.

- Phương pháp quan sát: Đề tài sử dụng phương pháp quan sát để ghi chép, đánh giá hiện trạng về CSVC, thực trạng các hoạt động một cách đầy đủ, toàn diện. Chủ yếu tập trung vào xác định về số lượng CSVC phục vụ hoạt động TDTT nói chung và CLB TDTT nói riêng của SV ĐH Huế, xác định số liệu về số lượng CLB, số lượng hội viên tham gia các CLB TDTT của SV.

- Phương pháp toán học thống kê: Chúng tôi đã sử dụng phần mềm Excel để thống kê, xử lý các số liệu trong quá trình nghiên cứu. Cụ thể là các giá trị trung bình, tổng cộng và các số liệu liên quan.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng về số lượng, thời gian, thời điểm tập luyện của Câu lạc bộ thể dục thể thao SV tại Đại học Huế

3.1.1. Về thực trạng số lượng các Câu lạc bộ thể dục thể thao và số lượng hội viên tham gia các Câu lạc bộ thể thao

Để đánh giá được thực trạng số lượng các CLB TDTT và số lượng hội viên tham gia các CLB TDTT của SV tại Đại học Huế, chúng tôi tiến hành điều tra và thu được kết quả tại bảng 1 và bảng 2.

Bảng 1. Số lượng Câu lạc bộ thể dục thể thao tại Đại học Huế

STT	CÂU LẠC BỘ	SỐ LƯỢNG CÂU LẠC BỘ										
		SP	NN	NL	KH	L	KT	NT	YD	DL	TC	Tổng
1	Bóng rổ								1			1
2	Bóng đá	1	1	1		1	1	1		1		7
3	Bóng bàn	1	1	1								3
4	Bóng chuyền	1	1	1		1	1	1	1	1		8
5	Cờ vua – Cờ tướng	1	1		1	1	1		1			6
6	Cầu lông						1	1	1			3
7	Võ karatedo								1		1	2
8	Vovinam	1							1			2
Tổng cộng các CLB		5	4	3	1	3	4	3	6	2	1	32

Bảng 2. Số lượng hội viên tham gia các Câu lạc bộ thể dục thể thao

S T T	CÂU LẠC BỘ	SỐ LƯỢNG HỘI VIÊN CÂU LẠC BỘ										
		SP	NN	NL	KH	L	KT	NT	YD	DL	TC	Tổng
1	Bóng rổ								40			40
2	Bóng đá	32	45	40		53	60	37	0	28		295
3	Bóng bàn	23	28	36								87

4	Bóng chuyền	28	26	35		43	30	32	70	18		282
5	Cờ vua – Cờ tướng	15	18		23	25	45		130			256
6	Cầu lông						32	35	50			117
7	Võ karatedo								250		15	265
8	Vovinam	28							110			138
Tổng cộng		126	117	111	23	121	167	104	650	46	15	1480

Từ kết quả ở bảng 1 và bảng 2 cho thấy số lượng CLB TDTT tại Đại học Huế còn rất ít so với tiềm năng thực tế (chỉ 32/10 đơn vị, trung bình 3,2 CLB trên 1 đơn vị) và số lượng SV tham gia các CLB TDTT cũng chỉ 1480 SV, đây là một tỉ lệ rất nhỏ với tiềm năng hơn 52.045 SV của Đại học Huế (chỉ chiếm 2,84%), trong đó hầu hết các CLB đều do Đoàn – Hội tổ chức quản lý, giao cho SV làm chủ nhiệm các CLB mà không có hướng dẫn từ các giảng viên, hướng dẫn viên, huấn luyện viên (HLV) có chuyên môn. Bên cạnh đó, các CLB này cũng chủ động về kinh phí, tự thu, tự chi cho việc thuê sân bãi, nước uống và trang phục, dụng cụ tập luyện. Từ thực tế cũng cho thấy nhiều môn thể thao chưa được thành lập CLB tại Đại học Huế như: Quần vợt, Pickleball, Golf, khiêu vũ thể thao, Gym, Aerobic, Bơi lội, Bida... Từ vấn đề này chúng ta cần tìm hiểu các nguyên nhân, các giải pháp để xây dựng và phát triển thêm các CLB TDTT mới cho các trường đại học thành viên, trường và các khoa thuộc Đại học Huế trong tương lai. Trong các đơn vị thuộc Đại học Huế thì chỉ có trường ĐHYD có số lượng CLB nhiều hơn cả (6 CLB) với 650 thành viên tham gia tập luyện và thi đấu, tiếp đến là trường ĐHKT có 4 CLB nhưng có đến 167 hội viên, còn trường ĐHSP có 5 CLB nhưng chỉ 126 tham gia. Ít nhất là Khoa GDTC mặc dù là đơn vị thực hiện nhiệm vụ GDTC và các hoạt động TTTH của Đại học Huế nhưng hiện tại chỉ duy nhất 01 CLB Võ Karatedo sinh hoạt nhưng trên thực tế cũng không phải do Khoa quản lý, mà do CLB Nghĩa Dũng đứng ra mượn mặt bằng cho SV và học sinh tập luyện. Bên cạnh những hạn chế của việc tham gia CLB TDTT của SV thì cũng là cơ hội cho những cán bộ, giảng viên đang làm công tác GDTC có cái nhìn khách quan và có định hướng để phát triển các CLB TDTT cho SV đạt hiệu quả và là sân chơi thực sự cho SV trong lĩnh vực GDTC và thể thao trường học.

Ngoài những kết quả thể hiện trên các bảng trên, chúng tôi còn thu thập được một số thông tin như: Các CLB trên đều có thu phí Hội viên để sinh hoạt thường xuyên từ 50.000-100.000đ/tháng để duy trì sinh hoạt, trang bị dụng cụ, đồng phục và các hoạt động ngoại khóa. Các CLB thành lập và hoạt động đều có sự quản lý của Đoàn – Hội các trường, thể hiện một cách bài bản, có tổ chức, tuy nhiên hiện tại vẫn chưa có CLB nào có giáo viên hay HLV hướng dẫn một cách chuyên nghiệp mà chủ yếu là các thành viên trong các CLB tự hướng dẫn cho nhau.

3.1.2. Về số buổi tập, thời gian và thời điểm sinh hoạt

Để đánh giá về số buổi tập, thời gian và thời điểm sinh hoạt của các CLB, chúng tôi đã tiến hành khảo sát và thu được kết quả tại bảng 3 sau đây:

Bảng 3. Kết quả khảo sát về thời gian, số buổi và thời điểm sinh hoạt của các Câu lạc bộ thể dục thể thao SV tại Đại học Huế

STT	CÂU LẠC BỘ	Số buổi/tuần	Số phút/buổi	Thời điểm sinh hoạt		
				Sáng 5-6g30	Chiều 17-19g	Tối 19-21g
1	Bóng rổ	3	90-120	x	x	x
2	Bóng đá	2-3	60		x	
3	Bóng bàn	3	60-90		x	
4	Bóng chuyền	3-5	60-90		x	x
5	Cờ vua – Cờ tướng	3-5	45-60		x	
6	Cầu lông	3	60-90		x	x
7	Võ Karatedo	3	90		x	
8	Vovinam	3	90		x	

Từ kết quả bảng 3 cho thấy, về số buổi sinh hoạt trong một tuần của các CLB cũng không giống nhau, có những CLB cố định ngày tập, lịch tập mỗi tuần 3 buổi thường là vào các ngày thứ 2, thứ 4, thứ 6 hoặc thứ 3, thứ 5, thứ 7 như Bóng rổ, Bóng bàn, Cầu lông, Võ Karatedo, Vovinam...; CLB mỗi tuần sinh hoạt từ 2-3 buổi như: Bóng đá hoặc 3-5 buổi như: Bóng chuyền, Cờ vua – Cờ tướng.

Số phút tham gia sinh hoạt cũng có sự khác biệt giữa các CLB, có những CLB chỉ sinh hoạt 60 phút như Bóng đá do hầu hết các CLB thuê sân theo giờ để sinh hoạt, hay CLB Võ Karatedo, Vovinam sinh hoạt 90 phút, còn các CLB khác thời gian sinh hoạt thường từ 45-60 phút như: Cờ vua - Cờ tướng hoặc các CLB khác từ 60-120 phút, tùy thuộc vào môn thể thao và điều kiện sân bãi khác nhau mà có thời gian tập luyện, thi đấu cũng khác nhau.

Thời điểm sinh hoạt chủ yếu vào buổi chiều từ 17-19 giờ với 8 môn thể thao, đây là thời gian hợp lý và là sự lựa chọn ưu tiên để cho các thành viên trong CLB tham gia sinh hoạt sau thời gian học các môn văn hóa ở trường. Chỉ duy nhất Bóng rổ có kế hoạch tập buổi sáng từ 5-6g30, buổi sáng bắt đầu từ 5 giờ đến 6g30, còn buổi tối từ 19-21g cũng rất ít môn thể thao được SV lựa chọn sinh hoạt, chủ yếu là Bóng rổ, Bóng chuyền Cầu lông.

3.2. Thực trạng cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động Câu lạc bộ thể dục thể thao của SV Đại học Huế

Cơ sở vật chất là một trong những yếu tố rất quan trọng ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động và tổ chức hoạt động TDTT của các CLB SV. Để đánh giá được thực trạng cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động CLB TDTT của SV Đại học Huế, chúng tôi tiến hành thống kê tại bảng 4 sau đây:

Bảng 4. Thống kê cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động Câu lạc bộ thể dục thể thao của Đại học Huế

TT	CSVC	Đơn vị tính	Khoa GDTC	Các trường ĐH thành viên và các khoa, trường thuộc
1	Sân Bóng ném	Sân	01	-
2	Sân tập thể dục tay không	Sân	08	15
3	Sân Bóng đá	Sân	02	07
4	Sân Bóng chuyền	Sân	05	08
5	Sân Bóng rổ	Sân	03	02
6	Nhà tập Cầu lông	Sân	02	01
7	Khu tập Thể dục dụng cụ	Khu	02	02
8	Hố nhảy cao, nhảy xa	Hố	07	02
9	Đường chạy 50m	Đường	03	-
10	Đường chạy 100m	Đường	02	-
11	Đường chạy 1000m	Đường	01	-
12	Nhà tập tổng hợp	Nhà	02	01
13	Phòng cờ vua	Phòng	04	03
14	Nhà tập Bóng bàn	Nhà	01	04
15	Sân Quần vợt	Sân	-	02
16	Sân tập võ	Sân	03	05
Tổng cộng			46	39
17	Diện tích đất	m ²	25583	30567

Thông qua kết quả khảo sát tại bảng 4 chúng tôi thấy cơ sở vật chất phục vụ hoạt động CLB TDTT của SV Đại học Huế còn hạn chế về số lượng và chất lượng, chưa đảm bảo cho quá trình sinh hoạt của SV tham gia tại các CLB TDTT. Tổng cộng các trường đại học thành viên, trường, khoa thuộc Đại học Huế và Khoa GDTC gồm: Sân bóng đá 02, sân Bóng rổ 05, sân Bóng chuyền 13, nhà tập cầu lông 01, nhà tập Bóng bàn 05, phòng cò vua 07, sân quần vợt 02, nhà tập tổng hợp 2... Các sân trên phần nhiều đều tập trung tại Khoa GDTC, nhiều trường thành viên không có sân tập, hoặc các sân tập thì đã cho thuê dài hạn, SV và giảng viên muốn sử dụng tập luyện, thi đấu có nộp kinh phí như: trường ĐH Khoa học, trường ĐH Nông Lâm, trường ĐH Luật... Trên thực tế, một số môn thể thao không cần nhiều về quy cách, kích thước sân bãi như môn thể dục, môn võ, khiêu vũ thể thao, yoga... tuy nhiên, các môn này chưa phổ biến trong SV, và các khuôn viên sân trường, tầng trệt, nhà xe... vẫn có thể tận dụng tập luyện một cách thường xuyên.

3.3. Thực trạng về các nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động thể dục thể thao nói chung và các Câu lạc bộ thể dục thể thao nói riêng

Để tìm hiểu sâu hơn về những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động TDTT của SV tại các CLB, chúng tôi tiến hành phỏng vấn 865 SV có tham gia các CLB về các nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động TDTT nói chung và các CLB TDTT nói riêng, kết quả thu được tại bảng 5 sau đây:

Bảng 5. Kết quả phỏng vấn SV về nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động thể dục thể thao nói chung và các Câu lạc bộ thể dục thể thao nói riêng (n=865)

STT	CÁC NGUYÊN NHÂN	MỨC ĐỘ (%)			
		Không ảnh hưởng	Ảnh hưởng tiêu cực không đáng kể	Ảnh hưởng tiêu cực nhiều	Ảnh hưởng tiêu cực rất nhiều
1	Trời mưa nhiều	2,44	18,22	48,00	31,33
2	Trời nắng nhiều	15,78	50,33	13,67	20,22
3	Thiếu sân bãi	1,33	16,11	38,11	44,44
4	Thiếu dụng cụ	3,56	13,67	23,56	59,22
5	SV không hứng thú	1,33	2,78	50,44	45,44
6	Trường/khoa không tổ chức	3,89	7,56	59,11	29,44
7	Người tổ chức chưa hiệu quả	3,78	10,56	41,56	44,11

8	Thời gian học các môn văn hoá của SV nhiều	2,33	3,89	50,33	43,44
9	Các CLB chưa có	7,56	30,33	38,00	24,11
10	Các CLB hoạt động chưa hiệu quả	8,11	16,11	26,89	48,89
11	Đội ngũ HLV chưa chuyên nghiệp	13,78	27,00	26,89	32,33
12	Đội ngũ trọng tài chưa chuyên nghiệp	28,11	28,11	25,78	18,00
13	Kinh phí hoạt động ít	10,56	21,56	31,56	36,33
14	Các nhà tài trợ ít	9,22	23,78	38,00	29,00
15	Khác	38,33	30,44	14,89	16,33

Theo kết quả khảo sát có rất nhiều nguyên nhân ảnh hưởng tiêu cực đến việc tham gia các hoạt động TDTT nói chung và các CLB TDTT nói riêng, cụ thể các nguyên nhân như: SV không hứng thú tham gia là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng tiêu cực nhiều và rất nhiều lớn nhất (tương ứng là 50,44% và 45,44% với tổng (95,88%), nguyên nhân ảnh hưởng tiêu cực nhiều và rất nhiều tiếp theo là thời gian học các môn văn hoá của SV nhiều (tương ứng là 50,33% và 43,44% với tổng 93,77%). Bên cạnh đó, còn có một số nguyên nhân có tổng tỉ lệ ảnh hưởng tiêu cực nhiều và rất nhiều trên 80% gồm: Trường/khoa không tổ chức (chiếm 88,55%), người tổ chức chưa hiệu quả (chiếm 85,67%), thiếu dụng cụ (chiếm 82,78%), thiếu sân bãi (chiếm 82,55%). Còn các nguyên nhân còn lại cũng làm ảnh hưởng tiêu cực nhiều và rất nhiều đến các hoạt động TDTT nói chung và các CLB TDTT nói riêng của SV Đại học Huế. Với những nguyên nhân ảnh hưởng tiêu cực như thế này đã làm cho nhiều hoạt động TDTT của SV bị hạn chế, các CLB cũng khó khăn trong việc tổ chức, còn những nguyên nhân không ảnh hưởng như: trời nắng, đội ngũ HLV chưa chuyên nghiệp, đội ngũ trọng tài chưa chuyên nghiệp... phản ánh thực tế là không quá ảnh hưởng đến việc các bạn SV có mong muốn tham gia tập luyện TDTT hay không mà cần xuất phát từ động cơ bền vững và mong muốn tập luyện TDTT vì giải trí, vì sức khỏe, vì giao lưu, kết nối và là phương tiện hữu ích trong tái tạo năng lượng cho mỗi SV trong cuộc sống.

4. Kết luận

Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động CLB TDTT của SV Đại học Huế còn hạn chế cả về số lượng lẫn chất lượng. Số lượng CLB và thành viên tham gia các CLB còn ít, không tương xứng với tiềm năng và số lượng SV của toàn Đại học Huế. Số buổi tập của SV chủ

yếu từ 2-3 buổi/tuần; Thời gian tập luyện trung bình từ 45-90 phút; Thời điểm tập luyện thường vào buổi chiều từ 17-19 giờ.

Có nhiều nguyên nhân ảnh hưởng tiêu cực đến việc tham gia các hoạt động TDTT nói chung và các CLB TDTT nói riêng, chủ yếu là các nguyên nhân như: SV không hứng thú tham gia; thời gian học các môn văn hoá của SV nhiều; Trường/khoa không tổ chức; người tổ chức chưa hiệu quả; thiếu dụng cụ; thiếu sân bãi. Đây là những nguyên nhân gây ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động TDTT nói chung và các CLB TDTT nói riêng.

Từ các nguyên nhân và thực trạng trên cho thấy các trường đại học thành viên, khoa, trường thuộc Đại học Huế cần đẩy mạnh tăng cường, tạo điều kiện để thành lập mới các CLB TDTT cho SV, thúc đẩy một môi trường lành mạnh cho các bạn SV tham gia và tập luyện TDTT hằng ngày.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Gắng (2015), *Nghiên cứu xây dựng mô hình CLB thể thao liên kết giữa Đại học Huế và các tổ chức thể dục thể thao trên địa bàn thành phố Huế*, Luận án tiến sĩ giáo dục, Viện Khoa học thể dục thể thao.
2. Lê Hoài Nam (2016), *Nghiên cứu đặc điểm và giá trị xã hội của thể thao giải trí ở Hà Nội*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, trường Đại học thể dục thể thao Bắc Ninh.
3. Lê Quý Phương, Nguyễn Hoàng Minh Thuận, Lưu Thiên Sương (2017), *Thể thao giải trí tại các khu công nghiệp khu chế xuất ở thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Đức Thành (2013), *Xây dựng nội dung và hình thức tổ chức hoạt động TDTT của SV một số trường Đại học ở thành phố Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ, Viện khoa học thể dục thể thao.
5. Đào Chính Thức (2020), *Xây dựng mô hình Câu lạc bộ thể dục thể thao giải trí cho SV trường Đại học An Giang – tỉnh An Giang*, Luận án tiến sĩ giáo dục, trường Đại học thể dục thể thao thành phố Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Hoàng Minh Thuận, Chu Thị Bích Vân (2016), *Giáo trình lý luận và thực tiễn TTGT*, Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
7. Dương Hồng (2010), *Nghiên cứu thực trạng và mô hình phát triển các câu lạc bộ thể thao trong các trường học tại tỉnh Cát Lâm*, Luận văn thạc sĩ Đại học Diên Biên (杨洪. 2010. 吉林省高校体育俱乐部现状及发展模式研究. 延边大学硕士学位论文).

8. Đỗ Hữu Ngọc (2017), *Phát triển các câu lạc bộ thể thao quần chúng ở Việt Nam – Lấy tỉnh Bắc Ninh làm ví dụ*, Luận án tiến sĩ Đại học Thể thao Bắc Kinh (杜友玉.2017. 越南大众健身体育俱乐部的发展--以北宁省为例。北京体育大学博士论文).
9. Vũ Nhật Thanh (2020), *Nghiên cứu phát triển các câu lạc bộ quần vợt ở miền Nam Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Đại học Thể thao Bắc Kinh (武日青. 2020.越南南部网球俱乐部发展问题研究. 北京体育大学博士论文).